

BIỂU HIỆN VĂN HÓA NHẬT BẢN QUA TIẾNG NHẬT THƯ TÍN

THE MANIFESTATIONS OF JAPANESE CULTURE THROUGH THE LETTER WRITING

Văn Tường Vi^{1*}, Trần Minh Thùy Dương¹
¹Khoa Đông Phương Học, Đại học Lạc Hồng, Việt Nam.
Email: tuongvi@lhu.edu.vn

TÓM TẮT: Ngôn ngữ và văn hóa là hai yếu tố không thể tách rời. Khả năng sử dụng một ngôn ngữ được đánh giá dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa năng lực ngôn ngữ và kiến thức văn hóa của đất nước sử dụng ngôn ngữ ấy. Bài viết nghiên cứu những biểu hiện của văn hóa Nhật Bản thông qua cách dùng từ và ngữ pháp thường gặp trong tiếng Nhật thư tín, qua đó phản ánh những nét đặc trưng nổi bật trong văn hóa của Nhật Bản như cảm thức về thiên nhiên, quan niệm “trong - ngoài”, quan niệm “trên - dưới” một cách hệ thống và khoa học.

TỪ KHOẢ: tiếng Nhật, văn hóa, thư tín.

ABSTRACT: Language and culture are two inseparable factors. The ability of using language is assessed based on a harmonious combination of language competence and cultural knowledge of the country that language is spoken. The article shows the manifestations of Japanese culture through the usage of the word and grammar via Letter Writing in Japanese. Through the article, we wish to systematically and scientifically reflect the outstanding features in Japanese culture such as the sense of nature, the cultural differences of relationship between “inside/ outside relationship”, “senior/ junior relationship ” in Japanese.

KEYWORDS: Japanese, cultures, letter writing.

1. GIỚI THIỆU

Ngôn ngữ và văn hóa là hai yếu tố có mối quan hệ gắn bó không thể tách rời. Trong quá trình lao động và phát triển của con người, ngôn ngữ đã xuất hiện như một công cụ đặc lực truyền tải thông tin giữa cá nhân này và cá nhân khác, giữa tập thể này và tập thể khác, giữa thế hệ và thế hệ khác. Khi ngôn ngữ đã đi vào cuộc sống con người, lúc này nó không còn chỉ giữ vai trò là phương tiện giao tiếp, mà thông qua vai trò đó, ngôn ngữ truyền tải bên trong nó những thông điệp văn hoá. Nói cách khác, nếu thiếu vắng khả năng lý giải yếu tố văn hoá trong ngôn ngữ, việc giao tiếp sẽ trở nên khó khăn hoặc thậm chí là đi ngược với mục đích giao tiếp ban đầu là tiếp nhận chính xác thông tin mà người nói muốn truyền đạt. Đặc biệt là khi cách thức giao tiếp đó lại dưới dạng thư tín, nghĩa là hai bên giao tiếp với nhau chỉ thông qua chữ viết và không thể tiếp nhận thông tin ngôn ngữ nào khác ngoài chữ viết. Vậy nên, việc nghiên cứu yếu tố văn hoá trong ngôn ngữ thư tín sẽ góp phần thúc đẩy khả năng lý giải những thông tin ẩn chứa bên trong câu chữ, qua đó phục vụ tốt việc lý giải thông điệp để đạt tới mục đích giao tiếp.

Ngày nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông, bên cạnh hình thức thư tín truyền thống là thư viết tay (hoặc đánh máy), người ta còn sử dụng thư điện tử, tin nhắn điện thoại và các ứng dụng khác để phục vụ nhu cầu giao tiếp hằng ngày. Trong phạm vi bài tiểu luận này, tác giả giới hạn không gian nghiên cứu là thư tín mang tính chất truyền thống viết bằng tiếng Nhật. Thông qua việc nghiên cứu, đối chiếu so sánh giữa các đặc trưng văn hoá của người Nhật và nội dung thư tín của họ, tác giả mong muốn bước đầu định hình được mối liên hệ giữa văn hoá và ngôn ngữ trong thư tín của người Nhật.

Trong phạm vi bài viết này, với mục đích phản ánh một số nét đặc trưng văn hoá biểu hiện trong ngôn ngữ thư tín, tác giả đã giới hạn ba đặc trưng văn hoá nổi bật của Nhật Bản để khảo sát, gồm: cảm thức về thiên nhiên, quan hệ xã hội “trong-ngoài” và ý thức thứ bậc “trên-dưới”. Thông qua việc nghiên cứu các hình thức chung của thư tín Nhật Bản,

bài viết mong muốn làm rõ những yếu tố văn hoá này được thể hiện như thế nào trong ngôn ngữ thư tín Nhật Bản, từ đó giúp người đọc cảm nhận rõ hơn bản sắc văn hoá truyền thống của dân tộc Nhật Bản.

2. NỘI DUNG

2.1 Cảm thức thiên nhiên trong thư tín tiếng Nhật

Người Nhật dành cho thiên nhiên một vị trí ưu ái nhất định. Văn hoá Nhật Bản là một nền văn hoá luôn cố gắng gìn giữ sự hài hoà giữa con người và thiên nhiên. Có thể nói, thiên nhiên xuất hiện trong đời sống của người Nhật với một tần suất cao và rộng trên nhiều phương diện cuộc sống. Thiên nhiên xuất hiện trong những nhu cầu cần thiết nhất của con người như ăn - mặc - ở. Trong nhu cầu “ăn”, thiên nhiên có thể xuất hiện trong những chiếc bánh được trang trí theo từng mùa: bánh mùa xuân là hình cánh hoa anh đào; bánh mùa hè màu xanh nhân vàng; bánh mùa thu màu vàng hình chiếc lá phong; bánh mùa đông màu trắng như tuyết. Trong nhu cầu “mặc”, thiên nhiên thể hiện trong trang phục Kimono của các thiếu nữ Nhật Bản với những hoạ tiết đặc trưng thay đổi theo mùa. Trong nhu cầu “ở”, thiên nhiên xuất hiện với những không gian xanh trong nhà, đó có thể là một khu vườn nhỏ bao quanh ngôi nhà, hay chỉ đơn giản là một chậu cây xanh nhỏ nằm trên bệ cửa sổ.

Quả vậy, “*dưới cảm thức thiên nhiên là những tầng văn hoá... người Nhật biểu tượng thiên nhiên bằng ba hình ảnh: Tuyết - Nguyệt - Hoa. Tuyết tượng trưng cho bốn mùa thay đổi và thời gian trôi qua. Trăng gọi nên vũ trụ và pháp giới bao la. Hoa là hiện hữu của từng mùa và từng thời*” [1]. Sự biến đổi của thời gian được ghi dấu rất nhiều lên cuộc sống của hằng ngày của người Nhật, điều đó thể hiện trong những bức thư được gửi theo mùa. Bắt đầu một bức thư truyền thống được viết bằng tiếng Nhật, hầu hết lời đầu thư sẽ là lời thăm hỏi có sự xuất hiện của yếu tố thời tiết.

Received: 20,06, 2022

Accepted: 20,10, 2022

*Corresponding: Văn Tường Vi

Email: tuongvi@lhu.edu.vn

Đầu tiên, người Nhật có thói quen gửi thư vào thời điểm giữa mùa hè và giữa mùa đông. Trong đó, những thiệp chúc mùa hè sẽ được gửi từ ngày 20 tháng 7 đến tháng 8. Còn thiệp chúc mùa đông thì được gửi từ ngày 6 tháng 1 đến khoảng ngày 20 tháng 1. Trong những bức thư đặc biệt gửi theo mùa này không thể thiếu các cụm từ qui ước. Chẳng hạn đối với thư gửi vào mùa hè, thường thấy những cụm từ quen thuộc như:

暑中見舞い (thăm hỏi thời tiết nóng mùa hè); 暑中御見舞い申し上げます (Tôi gửi đến ông/bà lời thăm hỏi mùa hè oi nóng); 残暑御見舞い申し上げます (Tôi gửi đến ông/bà lời thăm hỏi vào những ngày cuối hè). Tương tự như vậy, những bức thư gửi vào mùa đông thường thấy những cụm từ qui ước như: 寒中見舞い (thăm hỏi thời tiết lạnh mùa đông); 寒中御見舞い申し上げます (Tôi gửi đến ông/bà lời thăm hỏi mùa đông rét lạnh).

Ngoài những bức thư thăm hỏi gửi vào giữa mùa hè và giữa mùa đông, nếu vì một lý do nào đó mà người Nhật viết thư vào một thời điểm khác trong năm, thì những đặc trưng mùa cũng sẽ được nhắc tới ở lời thăm hỏi đầu thư. Có thể chia những thời lời thăm hỏi có yếu tố thời tiết vào thời điểm viết thư thành bốn nhóm theo bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Ứng với mỗi mùa sẽ có những từ khóa miêu tả thời tiết hay cách diễn đạt ước lệ, cụ thể như sau:

- Mùa xuân, từ khóa thường gặp như 立春 (lập xuân); 節分 (ngày hôm trước ngày lập xuân); 若草 (cỏ non);... được sử dụng trong các câu quen thuộc như 立春とは名ばかりで、寒い日が続いておりますが (Mặc dù đã lập xuân nhưng những ngày lạnh giá vẫn kéo dài).
- Mùa hạ, từ khóa thường gặp như 猛暑 (những ngày nóng bức); 入梅 (đầu mùa mưa); 梅雨 (mùa mưa);... được sử dụng trong các câu quen thuộc như うつとうしい梅雨に入りました (Đã bước vào những ngày mưa buồn tẻ).
- Mùa thu, từ khóa thường gặp như 紅葉 (lá vàng); 初秋 (vào thu); 菊 (hoa cúc);... được sử dụng trong các câu quen thuộc như すっかり秋らしくなってきましたが (Trời đã hoàn toàn vào thu).
- Mùa đông, từ khóa thường gặp như 寒気日 (ngày giá buốt); 寒冷 (rét lạnh);... được sử dụng trong các câu quen thuộc như 寒気日まじに厳しい毎日ですが (Tiết trời lạnh ngày càng khắc nghiệt).

Có thể nói, trong tiếng Nhật thư tín, những lời thăm hỏi theo mùa cùng với “lời đầu thư”, “lời kết thư”, các thành ngữ,... tạo thành một hệ thống quy ước định hình cho một bức thư viết bằng tiếng Nhật.

2.2 Quan niệm Uchi – Soto trong thư tín tiếng Nhật

Để viết tốt một bức thư bằng tiếng Nhật, bên cạnh việc trình bày theo quy ước, sử dụng từ vựng theo mùa, thăm hỏi đúng dịp như đã nói ở trên, người Nhật còn rất chú trọng đến vị thế xã hội giữa người viết và người đọc qua cách hành văn. Lý do là vì người Nhật có một quan niệm không thể lay chuyển trong cách ứng xử với những người xung quanh mình, đó là quan niệm “Uchi-Soto”.

Quan niệm “Uchi-Soto” xuất phát từ ý thức tập thể và cách ứng xử của người Nhật trong tập thể. Mỗi người Nhật đều gắn với một hoặc nhiều tập thể nào đó. Mỗi quan hệ này vô cùng phức tạp và đòi hỏi người Nhật luôn phải xác

định vị trí của mình trong tập thể, từ đó quyết định lối ứng xử giao tiếp cho phù hợp.

Trong quan niệm này, “Uchi” (ウチ) được hiểu là “bên trong”, dùng để chỉ một nhóm những người có quan hệ thân giao, thân mật, gần gũi với mình. Những người trong nhóm “Uchi” hầu hết là những người trong gia đình (cha mẹ, anh chị em, cô dì chú bác...), những người bạn thân thiết (bạn cùng lớp, bạn cùng phòng, bạn hàng xóm...) và đồng nghiệp thân thiết.

Mặt khác, “Soto” (ソト) được hiểu là “bên ngoài”, dùng để chỉ một nhóm những người có quan hệ sơ giao ngoài xã hội và nằm ngoài nhóm những người có quan hệ thân thiết trong nhóm “Uchi”, bao gồm những người không quen biết, hàng xóm, đồng nghiệp, cấp trên,... “*Đối với người Nhật, ranh giới trong và ngoài nhóm - tập đoàn là cái gì đó tuy vô hình nhưng lại rất hiển nhiên. Cùng nhóm là cùng quyền lợi, là quan hệ gần. Cư xử với người quan hệ gần và người quan hệ xa thì dứt khoát phải khác nhau, và cần có khoảng cách để thể hiện sự khác nhau đó*” [2].

Trong số các đối tượng gửi thư của người Nhật, phần lớn thư tín được gửi cho những người thuộc nhóm “Soto”, ví dụ như thư gửi cho vị giáo sư, cấp trên, giám đốc của một công ty dự tính sẽ xin việc. Tuy nhiên, nói vậy cũng không có nghĩa là thư từ không được gửi đến những người thuộc nhóm “Uchi”. Thư gửi cho nhóm “Uchi” có thể rơi vào những trường hợp như thư của người con ở xa gửi cho bố mẹ, thư gửi cho bạn thân mời đến tham dự buổi tiệc, thư chúc mừng đồng nghiệp xuất viện,... Tuy nhiên, một điểm đặc trưng trong cách viết thư theo kiểu truyền thống Nhật Bản là người viết sẽ phải dùng lối hành văn trang trọng dù đối tượng thuộc nhóm “Uchi” hay “Soto”.

Đặc trưng của lối hành văn trang trọng trong ngôn ngữ Nhật là cách sử dụng “kính ngữ” (sonkeigo 尊敬語) đối với hành động xuất phát từ người khác – nhóm “Soto”, “khiêm nhường ngữ” (kenjougo 謙譲語) đối với hành động của chính mình – nhóm “Uchi”. Điều này phải ánh một nét rất đặc trưng trong văn hóa ứng xử của người Nhật là “tha tôn tự khiêm” được hiểu là “đối với người khác thì tôn kính, đối với bản thân mình thì khiêm nhường”. Có thể nói, “*Tính cách tha tôn tự khiêm có thể nói là tính cách chung của các dân tộc phương Đông chứ không riêng của Nhật Bản*” [3].

Một cấu trúc ngữ pháp về khiêm nhường ngữ thông dụng là “お/ご + động từ thểます + します” hoặc “お/ご + động từ thểます + 致します”. Xét trong câu ví dụ “tôi đã gửi báo cáo cho ông vào hôm qua” với chủ ngữ là “tôi”, nói cách khác tôi là chủ thể thực hiện hành động “gửi (báo cáo)”, do đó hành động “gửi” lúc này sẽ được chuyển sang cấu trúc khiêm nhường thành “昨日、レポートをお送り致しました”.

Ngược lại, nếu hành động “gửi (báo cáo)” này là do ông Tanaka thực hiện thì lúc này cấu trúc tôn kính sẽ được áp dụng. Một trong những cấu trúc ngữ pháp về tôn kính ngữ thường gặp là “お/ご + động từ thểます + になります”. Như vậy, câu “ông Tanaka đã gửi báo cáo vào ngày hôm qua” sẽ trở thành “昨日、田中さんはレポートをお送りになりました”.

Về mặt từ vựng, mỗi quan hệ “Uchi-Soto” được thể hiện rõ nét trong cách sử dụng từ ngữ thay đổi tùy theo đối tượng của từng nhóm. Chẳng hạn, từ dùng để gọi “mẹ” đối với nhóm Uchi là “母”, nhóm Soto là “お母さん”, tương tự như vậy, khi nói về những đứa con của mình, của anh chị

trong nhà (tức nhóm Uchi) thì người Nhật dùng từ “子供”, nhưng đối với đứa trẻ của đồng nghiệp, người quen (tức nhóm Soto) thì dùng từ “お子様” hoặc “お子さん”.

Sự khác nhau giữa “văn phong trang trọng” và “văn phong không trang trọng” (hay còn gọi là “văn phong thông thường”) còn được phân biệt bởi sự khác nhau giữa hai thể loại “văn nói” và “văn viết”. Trong tiếng Nhật, sự khác biệt giữa “văn nói” và “văn viết” chủ yếu ở văn phạm như cách lược bỏ trợ từ, liên kết động từ, liên kết ngữ... Chẳng hạn khi cần nói “tôi xin chờ hồi âm của ông”, văn nói sẽ là “お返事をお待ちしております”, chuyển đổi sang văn viết sẽ là “お返事お待ちしております”. So sánh giữa hai câu, trợ từ を đã được lược bỏ trong văn viết. Thêm một ví dụ trường hợp cần nói “Trước mắt tôi xin báo tin cho ông như vậy”, văn nói sẽ là “とりあえずお知らせまで”, văn viết sẽ là “まずはお知らせまで”. Mặc dù hai từ とりあえず và まず đều có nghĩa như nhau, nhưng rõ ràng trường hợp sử dụng khi nói và khi viết của chúng thì khác nhau.

2.3 Quan niệm Ue – Shita trong thư tín tiếng Nhật

Nếu nói quan hệ “uchi - soto” là quan hệ theo chiều ngang “trong - ngoài”, thì quan hệ “ue - shita” là mối quan hệ theo chiều dọc “trên - dưới”. “Do tác động của môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và hoàn cảnh lịch sử, văn hoá quy phạm Nhật Bản chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hoá của tầng lớp quý tộc. Hầu như mọi hành vi của người Nhật đều được nâng lên thành chuẩn mực như trà đạo chẳng hạn” [4]. Ý thức về “tầng lớp”, “cấp bậc xã hội” đã ăn sâu bén rễ trong đời sống của người Nhật. Đó là những tư tưởng về giai tầng xuất phát từ thời phong kiến mãi cho đến hiện tại.

“Thái độ nhún mình hoặc khúm núm trước người có địa vị, quyền chức cũng có ở những nước khác trước thời cận đại, có điều là ở Nhật cho đến ngày nay vẫn còn mang đậm nét” [5]. Trong xã hội Nhật Bản, mối quan hệ tôn ti vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng sâu rộng đến cuộc sống của người Nhật, hình thành nên cái gọi là “meue” (目上) nghĩa là “người bề trên” và “meshita” (目下) nghĩa là “kẻ bề dưới”. Hay nói cách khác, đó là mối quan hệ thứ bậc “ue - shita” hay mối quan hệ “trên - dưới”. Ở Việt Nam, mối quan hệ thứ bậc này còn được thể hiện bằng lối nói quen thuộc là “chiếu trên – chiếu dưới”.

Mặt khác, quan niệm trên – dưới cũng có thể được xem là một biểu hiện của ý thức tập thể được nhắc đến ở trên. Bởi vì suy cho cùng, việc gìn giữ mối quan hệ trên – dưới trong một tập thể cũng là để đảm bảo lối ứng xử đúng mực của mỗi cá nhân, giúp cá nhân “hòa nhập vào tập thể” và qua đó tạo nên môi trường thuận lợi nhất cho hoạt động giao tiếp. Đối với người Nhật, “cách ứng xử tốt là phải hòa lẫn với mọi người, không được tỏ ra sắc sảo hơn, giàu có hơn, ăn diện hơn,... nhưng đồng thời cũng không được tỏ ra yếu ớt quá, nghèo túng quá, tiết kiệm quá hay thậm chí không được tỏ ra tốt bụng, tử tế hơn người...” [2].

Tác động của quan niệm “ue - shita” thể hiện rõ nét trong ngôn ngữ tiếng Nhật ở cách sử dụng “kính ngữ” khi nói về hành động của người có thứ bậc cao hơn, sử dụng “khiêm nhường ngữ” khi nói về mình, những hành động của mình hoặc của những người thuộc nhóm “uchi” xét trong mối quan hệ tương quan với đối tượng đang được tôn kính. Việc sử dụng nhầm lẫn hoặc không phù hợp hai cách nói này sẽ bị cho là “thất lễ”, “thiếu học” trong quan điểm của người Nhật.

Đơn cử ví dụ trường hợp viết một bức thư chúc mừng vị giáo sư được 70 tuổi. Toàn bộ văn phong của bức thư được chuyển sang “kính ngữ” cho hành động của giáo sư và “khiêm nhường ngữ” cho hành động của người viết. Trong đó, đối tượng viết là học trò thuộc nhóm “shita”, đối tượng đọc là giáo sư thuộc nhóm “ue”:

① いかがおすごしていらっしゃいますか。

(Thầy có khoẻ không?)

Trong mẫu câu ① này, cách dùng kính ngữ với cấu trúc ていらっしゃいます thay vì いかがですか hay お元気ですか như trong văn phong thông thường.

② どうも今度もご自愛くださって、いつまでもお元気でご活用くださいますよう心からお祈り申し上げます。

(Mong thầy hãy cẩn thận sức khoẻ và em xin thành tâm cầu chúc thầy luôn khoẻ mạnh để tiếp tục công việc nghiên cứu của thầy).

Trong mẫu câu ② này, khiêm nhường ngữ お祈り申し上げます với cấu trúc 申し上げます dùng cho hành động “cầu chúc” của mình, thay vì cấu trúc お祈りします như trong văn phong thông thường.

3. KẾT LUẬN

Trong các mối quan hệ giữa con người với con người, giao tiếp đóng một vai trò quan trọng. Trong đó, yếu tố văn hoá là một sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc giao tiếp để kết nối tư duy con người lại với nhau. Văn hoá của một cộng đồng thể hiện qua những qui ước, chuẩn tắc, khuôn mẫu hướng dẫn hành vi con người, cũng như cách thức vận dụng ngôn ngữ sao cho phù hợp với xã hội mà cộng đồng ấy đang tồn tại. Biểu hiện rõ ràng nhất của văn hoá Nhật Bản trong tiếng Nhật chính ở cách lưu giữ và duy trì các yếu tố văn hoá truyền thống như tình yêu thiên nhiên, các mối quan hệ xã hội trong tiếng Nhật ở các phương diện, cụ thể như trong thư tín tiếng Nhật.

Mặc dù Việt Nam và Nhật Bản là hai nước đồng văn, gốc văn hoá lúa nước, cùng tiếp nhận sự ảnh hưởng mạnh mẽ và lâu dài từ nền văn minh Trung Hoa, song nền văn hoá giữa hai nước vẫn có rất nhiều dị biệt. Chính vì điều đó, “không thể đơn giản dùng những đặc trưng của văn hoá lúa nước và tính cách nông dân Đông Nam Á trong đó có Việt Nam quy chiếu để nhận diện văn hoá truyền thống Nhật Bản” [4]. Sự thấu hiểu văn hoá trong việc sử dụng ngôn ngữ, truyền tải và tiếp nhận thông tin là điều quan trọng. Văn hoá Nhật Bản xem trọng mối quan hệ “trong - ngoài”, mối quan hệ “trên - dưới”. Căn cứ trên cơ sở xác định vị trí đối tượng, toàn bộ nội dung và cách hành văn của người viết cũng sẽ thay đổi theo.

Văn hoá Việt Nam và văn hoá Nhật Bản có những nét tương đồng vì đều là những nước bị ảnh hưởng lâu dài bởi Nho giáo và văn hóa Trung Hoa. Quan niệm về “tôn ti trật tự”, “chiếu trên chiếu dưới”, “kính trên nhường dưới” vốn dĩ đã rất quen thuộc và ăn sâu bén rễ vào tư tưởng của người Việt và người Nhật. Thiết nghĩ đây là một điều thuận lợi khi người Việt học tiếng Nhật. Cũng chính vì vậy, việc giảng dạy tiếng Nhật cũng cần thiết đi kèm với việc giảng dạy văn hoá Nhật Bản nhằm mục đích hỗ trợ việc lý giải và vận dụng tiếng Nhật vào thực tế cuộc sống được hiệu quả hơn.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nhật Chiêu, *Văn Học Nhật Bản: Từ Khởi Thủy Đến 1868*, NXB. Giáo Dục, 2007, tr. 244.

[2] Hoàng Anh Thi, *Giao tiếp dị văn hóa và những ngộ nhận thường gặp trong giao tiếp giữa người Nhật và người Nhật*, *Kỷ yếu Hội thảo Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản*, 2011, (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội), tr. 289.

[3] Lý Kim Hoa, *Để hiểu văn hoá Nhật Bản*, 2006, tr. 120.

[4] Vũ Minh Giang, *Một hướng tiếp cận văn hoá Nhật Bản truyền thống*, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, 2003, Số 2 (44), tr. 47.

[5] Vĩnh Sính, *Nhật Bản cận đại*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1991, tr. 23.